

Bản án số: **307/2018/HNGĐ-ST**  
Ngày: 11/9/2018  
“ *V/v ly hôn*”.

## **NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**1. Bà Huỳnh Thị Tô**

**2. Ông Nguyễn Văn Tâm**

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh*

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông: Bà Trần Thị Ngọc Tuyền, kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 59/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2018 về việc tranh chấp “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 57/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Phạm Thị N**, sinh năm 1991, có mặt

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: **Võ Thanh S**, sinh năm 1987, vắng mặt

Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 02 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Phạm Thị N trình bày: Tự nguyện kết hôn vào tháng 11 năm 2009, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới sống chung gia đình chồng, hạnh phúc đến giữa năm 2017 phát sinh mâu thuẫn do anh S quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm cuộc sống vợ con, chị biết được là do đọc tin nhắn qua điện thoại của anh S và người phụ nữ đó, chị có hỏi thì anh S đã thừa nhận. Chị yêu cầu anh S cắt đứt quan hệ với người ấy để về chung sống với vợ, con nhưng anh S không thay đổi, nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, sống không hạnh phúc. Từ năm 2017 không chung sống đến nay, không hàn gắn được tình cảm, yêu cầu ly hôn.

Có 01 con chung Võ Thanh D, sinh ngày 19/6/2008 từ trước đến nay sống với chị N. Yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn Võ Thanh S vắng mặt không có lời trình bày.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị xử chấp yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị N. Giao con chung Võ Thanh D, sinh ngày 19/6/2008 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Việc nộp đơn khởi kiện, thụ lý đơn và thẩm quyền giải quyết của Tòa án đúng quy định; Việc thu thập tài liệu chứng cứ; Thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Võ Thanh S nhưng anh không thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định. Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa anh S vắng mặt là tự từ bỏ lời trình bày của đương sự tại tòa. Việc vắng mặt của anh S không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[1] Về hôn nhân, chị Phạm Thị N và anh Võ Thanh S tự nguyện kết hôn, được UBND xã B, huyện G cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 127/2009 ngày 26/11/2009 là hôn nhân hợp pháp. Xét nguyên nhân mâu thuẫn do anh S quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị N đã khuyên nhiều lần nhưng anh không từ bỏ nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc. Từ năm 2017 đến nay anh chị không chung sống, không gặp nhau trao đổi hàn gắn tình cảm để mâu thuẫn kéo dài thêm trầm trọng. Chị N gửi đơn xin ly hôn, Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập anh S nhiều lần đến trình bày ý kiến và hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng anh không đến, cho thấy anh S không còn thiết tha cuộc sống hôn nhân. Xét tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị N.

[2] Về nuôi con chung, qua xác minh ở địa phương được biết từ khi không còn chung sống, chị N trực tiếp nuôi con cho đến nay. Tham khảo nguyện vọng của cháu Võ Thanh D mong muốn được tiếp tục sống bên mẹ. Xét khả năng, điều kiện nuôi con của hai bên. Hoàn cảnh sống của con đã quen cuộc sống ổn định bên mẹ. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị N, giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Chị N tự nguyện không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con, thấy phù hợp, nên ghi nhận. Tuy nhiên, sau khi ly hôn người

không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

[3] Về tài sản chung và nợ, ghi nhận đương sự không yêu cầu giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát có căn cứ nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị N.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị N và anh Võ Thanh S.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Võ Thanh D, sinh ngày 19/6/2008 cho chị Phạm Thị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị Phạm Thị N không yêu cầu anh Võ Thanh S cấp dưỡng nuôi con. Anh Võ Thanh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Án phí sơ thẩm: chị Phạm Thị N phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 45493 ngày 28/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Anh Võ Thanh S không phải chịu án phí sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện GCD
- Chi cục THA DS huyện GCD
- UBND xã B, huyện GCD
- Các đương sự
- Lưu: HS, AV

**Trần Văn Dũng**